

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1123/2024/DS-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phú Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 0740/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Trụ sở: 91 P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Xuân M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 9 Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2023 của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Phước Quỳnh G là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/4/2022, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 3072810 về việc cấp tín dụng cho bà Ngô Thị Xuân M với khoản vay trị giá 29.000.000 đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân

theo đúng quy định trong hợp đồng cho bà M, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà M. Theo hợp đồng, bà M có nghĩa vụ trả góp hàng tháng với số tiền là 1.464.826 đồng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/5/2022 đến ngày 15/4/2025 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay, bà M chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 13 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 19.313.675 đồng. Từ ngày 02/8/2024 đến nay bà M không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà M thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà M về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà M vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho phía Công ty, nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận giải quyết tuyên buộc bà M thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2024 là 37.585.422 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 22.106.113 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 9.709.687 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 5.063.709 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 705.913 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà M phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Xuân M trình bày:

Bà Ngô Thị Xuân M xác định lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quá trình giao kết hợp đồng tín dụng giữa bà và Công ty T (VIỆT NAM) là đúng. Bà hiện đang còn nợ Công ty số tiền 38.788.310 đồng, tạm tính đến ngày 23/7/2024. Hiện nay bà M đang gặp khó khăn về tài chính, nên đề nghị phía Công ty miễn giảm toàn bộ tiền lãi cho bà và khoản nợ gốc 22.901.390 đồng bà M xin trả cho Công ty T1 đợt vào các ngày 30/8/2024, 30/9/2024 và 30/10/2024.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Thị Xuân M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Ngô Thị Xuân M cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa ngày 18/9/2024 nhưng bị đơn bà Ngô Thị Xuân M vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 22.106.113 đồng.

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3072810 ngày 18/4/2022, được lập và có chữ ký xác nhận giữa Công ty T (Việt Nam) với bà Ngô Thị Xuân M đủ cơ sở để xác định Công ty đồng ý cho bà M vay số tiền 29.000.000 đồng, lãi suất 44%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 15/5/2022 đến ngày 15/4/2025, trả góp hàng tháng với số tiền là 1.464.826 đồng. Như vậy, giữa Công ty và bà M đã phát sinh quan hệ giao dịch bằng hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều thừa nhận có giao kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn và thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 22.106.113 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn 9.709.687 đồng, tiền lãi quá hạn 5.063.709 đồng, tiền lãi chậm trả 705.913 đồng tạm tính đến ngày 18/9/2024 và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Do bà M đã vi phạm về thời hạn thanh toán (theo mục 3.3 và 3.6 của Hợp đồng) nên Công ty yêu cầu tính lãi là có cơ sở và phù hợp với thỏa thuận của các bên (mục 8 của Hợp đồng). Như vậy, tiền lãi trong hạn 9.709.687 đồng, tiền lãi quá hạn 5.063.709

đồng, tiền lãi chậm trả 705.913 đồng tạm tính đến ngày 18/9/2024 theo đúng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng mà Công ty lập là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Ngô Thị Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Xuân M phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2024 là 37.585.422 (ba mươi bảy triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 22.106.113 đồng và tiền lãi trong hạn là 9.709.687 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.063.709 đồng, tiền lãi chậm trả là 705.913 đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3072810 ngày 18/4/2022, được lập và có chữ ký xác nhận giữa Công ty T (Việt Nam) với bà Ngô Thị Xuân M.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Ngô Thị Xuân M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3072810 ngày 18/4/2022 giữa Công ty T (Việt Nam) với bà Ngô Thị Xuân M.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí:

- Bà Ngô Thị Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.879.271 (một triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi mốt) đồng.

- Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí. H lại cho Công ty số tiền tạm ứng án phí 683.582 (sáu trăm tám mươi ba nghìn năm trăm tám mươi hai) đồng theo Biên lai thu tiền số 0035432 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương Giang

